ĐỂ CƯƠNG ÔN THI HỌC KÌ 2 MÔN: TIẾNG ANH 8 ILEARN SMART WORLD

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Từ vựng

Unit 5. Science and technology

- + Các thiết bi
- + Người máy

+ Điện thoại thông minh

Unit 6. Life on other planets

- + Nơi con người sẽ sống trong tương lai
- + Vật thể bay lạ và người ngoài hành tinh

Unit 7. Teens

+ Ước mơ và công việc mơ ước

+ Vấn đề của thanh thiếu niên

Loigiaihay.com Unit 8. Traditions of ethnic groups in Việt Nam

- + Văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam
- + Những hoạt động ở các làng dân tộc thiểu số

II. Ngữ pháp

- 1. Câu hỏi Wh & Yes/ No
- 2. So sánh hơn của trạng từ
- 3. Thì quá khứ đơn quá khứ tiếp diễn
- 4. Thì tương lai đơn
- 5. Đại từ sở hữu
- 6 Tường thuật câu trần thuật
- 7. Mao từ
- 8. Tường thuật câu hỏi

III. Ngữ âm

- 1. Âm /eɪ/
- 2. Trọng âm từ có đuôi -ly
- oigiaihay.com 3. Ngữ điệu của các từ chỉ ý kiến và sự quan tâm
- 4. Sự thay đổi âm của từ có tận cùng là -ing
- 5. Âm /i:/
- 6. Âm /d/
- 7. Trọng âm tính từ có 2 âm tiết

8. /ou/

B. BÀI TẬP

I. Từ vựng

<u>Unit 5</u>

Fill in the blanks with the words in the box.

| I. Từ vựng | 5 | | | | |
|--------------|-----------------|---------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|
| Unit 5 | | | | | |
| Fill in the | blanks with | the words in the | box. | | |
| safely | lift | rescue | carefully | quietly | navigate |
| complete | re | ecognize | | | |
| 1. Some ro | bots need to a | do things | . They need to move so | meone without h | nurting the person. |
| 2. Gardenii | ng robots will | l be able to | trees out of the groun | nd. | |
| 3. Newer re | obots can do | things so | . They don't make any | noise. | |
| 4. Robots c | can't get lost. | They can | _ through any environm | ient. | |
| 5. People v | vill have their | own robots. Thes | e robots will p | people's voices a | nd only listen to them. |
| 6. Robots c | can 1 | travel in dangerous | s places. They don't fee | el pain like a pers | son. |
| 7. Robots v | will | people after disast | ters. They'll save a lot o | of lives. | |
| 8. Small, li | ght robots ca | n tasks q | uicker than big, heavy r | obots. | |
| D/ / | | | | | |

Đáp án:

| 1. carefully | 2. lift | 3. quietly | 4. navigate |
|--------------|-----------|------------|-------------|
| 5. recognize | 6. safely | 7. rescue | 8. complete |

Unit 6

Fill in the blanks using the correct form of the words from the box.

| UFO | strange | alien | disappear | tiny | |
|------|---------|---------------|-----------|-------------|--|
| huge | appear | flying saucer | terrified | disk-shaped | |

1. Suddenly, a UFO ______ in the sky, and it made a strange sound.

2. The alien had ten ______ eyes on its head. They were so small.

oigiaih 3. I was walking home from school when I saw a ______ thing in the sky. It was round and thin.

4. I was running after the alien, but then it ______. I couldn't see it anywhere.

5. The government doesn't know what flew over the city. They're calling it a

6. I saw a last night. It was round, and I'm sure it was from another planet.

7. I was laying in bed when I heard a sound. I didn't know what it was, but it sounded like an animal.

8. My sister and I felt so scared when we saw the UFO. My sister was more scared than me. She was

9. In the movie, an ______ from another planet visited Earth. It has two heads and long arms.

10. I can't believe how big the ship was. It was _____!

Đáp án:

| 1. appeared | 2. tiny | 3. disk-shaped | 4. disappeared | 5. UFO |
|------------------|------------|----------------|----------------|----------|
| 6. flying saucer | 7. strange | 8. terrified | 9. alien | 10. huge |

Unit 7

Write the words from the box. next to the correct descriptions.

| <u>Unit 7</u> | | | | | | |
|--|-------------------|-----------------|--------------------|----------|------------|------|
| Write the w | vords from the bo | ox. next to the | e correct descript | tions. | | |
| dream | vlogger | dentist | musician | engineer | journalist | game |
| designer | veterinarian | flight | t attendant | | | |
| 1: something you hope you will have in the future | | | | | | |
| 2: a person who writes for newspapers, magazines, or news websites | | | | | | |
| 3: a person who makes a video blog | | | | | | |
| 4: | a doctor who take | es care of sick | or hurt animals | | | |
| | | | | | | |

- 5. _____: a person who takes care of passengers on an airplane
- 6. _____: a person who plans and makes computer games
- 7. _____: a person who plays an instrument or sings
- 8. _____: a doctor who takes care of people's teeth

9. _____: a person who designs, builds, or repairs things such as machines and bridges

Đáp án:

| 1. dream | 2. journalist | 3. vlogger |
|-----------------|---------------------|------------------|
| 4. veterinarian | 5. flight attendant | 6. game designer |
| 7. musician | 8. dentist | 9. engineer |

Unit 8

Fill in the blanks using the words from the box.

| blouse | corn | sticky rice | utensils | apron | steamed | |
|--------|------|-------------|----------|-------|---------|--|
|--------|------|-------------|----------|-------|---------|--|

1. When I'm cooking, I wear an ______ so that I can keep my shirt clean.

2. I think I'll wear a nice, yellow _____ and a black skirt to the party tonight.

3. I love eating ______ vegetables because they're so healthy.

4. My mom takes _____ cakes for Tết.

5. All of the farmers in this town grow _____.

6. What ______ do you use when you eat noodles?

Đáp án:

| 1. apron | 2. blouse | 3. steamed |
|----------------|-----------|-------------|
| 4. sticky rice | 5. corn | 8. utensils |
| II. Ngữ pháp | | 01. |
| Exercise 1 | | |
| | | |

II. Ngữ pháp

Exercise 1

Choose the correct options.

1. Are these tablets on sale today? - No, they

| | | | ~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~~ | |
|-------------------------|--------------------------|-------------------------|--|------|
| A. don't | | | | |
| B. aren't | | | | |
| 2. How st | orage does this laptop | have? - It has 128 gig | gabytes of storage. | |
| A. much | | | | |
| B. many | | | | |
| 3. is the set | creen size of your lapt | op? – It's 13.3 inches | | |
| A. What | | | | |
| B. Which | | | | |
| 4. How ca | an the battery last? – Y | You can use it for half | a day. | |
| A. long | | | | |
| B. far | | | | |
| 5. Can I take better ph | notographs with this ca | amera? – Yes, you | · | |
| A. can | | | | |
| B. are | | | | |
| Đáp án: | | | | |
| 1. B | 2. A | 3. A | 4. A | 5. A |
| Exercise 2 | | oigiaiha | n | |
| Choose the correct a | nswer. | | | |
| 1. | | | | |
| A. A-Bot can fly more | e far than BirdBot. | | | |
| B. A-Bot can fly furth | ner than BirdBot. | | | |
| 2. | | | | |
| A. Ziggy moves more | e quietly than Sparta81 | l. | | |
| B. Ziggy moves more | quieter than Sparta 8 | 1. | | |
| 3. | | | | |
| A. Frogfoot navigates | weller than Tsunami. | | | |
| B. Frogfoot navigates | better than Tsunami. | | | |
| 4. | | | | |
| A. Sparky's battery la | sts longer than Chippe | o's. | | |
| B. Sparky's battery la | sts more longly than (| Chippo's. | | |
| 5. | | | | |
| A. Fatmo completes t | asks more carefully th | an Bagman. | | |
| B. Fatmo completes ta | asks carefully than Ba | gman. | | |
| 6. | | | | |
| A. T-Whizz dances m | ore beautifully than Jo | obo. | | |
| B. T-Whizz dances m | ore beautiful than Job | 0. | | |
| | | | | |

Đáp án:

| 1. B | 2. A | 3. B |
|------|------|------|
| 4. A | 5. A | 6. A |

Exercise 3

Put the verbs in brackets in the correct forms of the Future Simple.

1. ______ a trip to space in the future? (you/ take)

2. I think there ______ life on Mars in two hundred years. (be)

3. In the near future, researchers _____ more space stations. (build)

4. Do you think other planets _____ houses and buildings in the future? (have)

5. I think people on Earth because they will live on Venus soon. (not/live)

Đáp án:

| 1. Will you take 2. will be | 3. will build | 4. will have | 5. won't live |
|-----------------------------|---------------|--------------|---------------|
|-----------------------------|---------------|--------------|---------------|

Exercise 4

Write the correct form of the verbs.

1. James was playing football in the yard when he _____ (see) a UFO.

2. Alice _____ (do) her homework when she heard her dog barking loudly.

3. They were having lunch when the flying saucer _____ (arrive).

4. He _____ (look) for his shoes when a strange man knocked on the door.

5. David and Rachael (clean) their home when the phone rang.

6. Bob _____ (walk) home when he heard a loud noise.

Đáp án:

| 1. saw | 2. was doing | 3. arrived |
|--------------------------------------|---|----------------|
| 4. was looking | 5. were cleaning | 6. was walking |
| Exercise 5 | I | |
| Choose the correct option | n. | |
| 1. That's not $(my / mine)$ b | ag. $(My / Mine)$ is blue. | |
| 2. They know (<i>our / ours</i>) | address, but we don't know (their / their | irs). |

Exercise 5

Choose the correct option.

3. Look! Mary is doing (her / hers) homework. You should also do (your / yours).

4. My sister has a guitar. (*Her / Hers*) is yellow. This brown one is not (*her / hers*).

5. Can we use (your / yours) computer? (Our / Ours) doesn't work.

Đáp án:

| Đáp án: | | | | |
|--------------|-----------------|----------------|----------------|----------------|
| 1. my – Mine | 2. our – theirs | 3. her – yours | 4. Hers – hers | 5. your – Ours |

Exercise 6

Complete the sentences using reported speech.

1. Lily said to me, "My father takes me to school in his sports car."

- => Lily said (that)
- 2. "My uncle is a famous musician and vlogger," said Ben.
- => Ben told me (that)
- jiaihay.com 3. Sarah said to him, "My mother doesn't like to live in a mansion."
- => Sarah told him (that)
- 4. Adrian told her, "I can't live without playing soccer."
- => Adrian said (that)
- 5. "I like to have a new smartphone for my birthday," said John.
- => John said (that) _____

Đáp án:

- 1. her father took her to school in his sports car
- 2. his uncle was a famous musician and vlogger
- 3. her mother didn't like to live in a mansion
- 4. he couldn't live without playing soccer
- 5. he liked to have a new smartphone for his birthday

Exercise 7

- Complete the sentences with *the*, *a/an* or zero article (\emptyset).
- 1. There is ______ number of Khmer people in ______ France and in _____United States.
- 2. _____ Central Highlands is _____ home to many different ethnic groups in _____ Vietnam.
- 3. _____ Muòng are ______ ethnic group that live mainly in ______ northern Vietnam.
- 4. _____ Phù Lá in _____ Lào Cai play _____ ma nhí, a musical instrument, for their big

events.

5. _____ Chăm use _____ pottery objects, such as _____ pots, vases and glasses in their everyday life.

Đáp án:

| 1. $a - \emptyset - the$ 2. $\emptyset - \emptyset - \emptyset$ 3. The - $an - \emptyset$ 4. The - \emptyset - the5. The - $\emptyset - \emptyset$ | | | | | |
|--|--------------------------|--------------|-----------------|------------------|----------------|
| | 1. $a - \emptyset$ – the | 2. Ø - Ø - Ø | 3. The − an − Ø | 4. The - Ø - the | 5. The - Ø - Ø |

Exercise 8

Choose the best options.

1. "Do you make any crafts?" Kim asked them.

A. She asked if they make any crafts.

B. She asked if they made any crafts.

- C. She asked whether they make any crafts.
- D. She asked whether did they make any crafts.
- 2. "When do you eat dinner at your house?" she asked Tom and Jane.
- A. She asked when she eats dinner at her house.
- B. She asked when he eats dinner at his house.

- C. She asked when they ate dinner at their house.
- D. She asked if they ate dinner at their house.
- oigiaihay.com 3. "What are your traditional clothes like, Mary?" asked Andy.
- A. He asked what her traditional clothes were like.
- B. He asked what his traditional clothes are like.
- C. He asked what were her traditional clothes like.
- D. He asked what were his traditional clothes like.

4. "How do you celebrate the New Year?" asked Anna.

- A. She asked how do they celebrate the New Year.
- B. She asked how did they celebrate the New Year.
- C. She asked how they celebrate the New Year.
- D. She asked how they celebrated the New Year.
- 5. "Do you have any folk tales?" asked Ben.
- A. He asked if they did have any folk tales.
- B. He asked if did they have any folk tales.
- C. He asked whether they had any folk tales.
- D. He asked whether they have any folk tales.

Đáp án:

| D. He asked whether | r they have any folk tal | les. | | |
|-----------------------------|--------------------------|-------------------------|----------------------|-------|
| Đáp án: | | | | |
| 1. B | 2. C | 3. A | 4. D | 5. C |
| III. Ngữ âm | | iO | | 1 |
| a) Choose the word | whose underlined pa | art is pronounced diffe | erently from the oth | ners. |
| 1. A. sp <u>a</u> ce | B. s <u>a</u> le | C. t <u>a</u> blet | D. pl <u>a</u> te | |
| 2. A. gr <u>ea</u> t | B. h <u>ea</u> lth | C. h <u>ea</u> d | D. br <u>ea</u> d | |
| 3. A. h <u>ea</u> t | B. br <u>ea</u> d | C. b <u>ea</u> n | D. p <u>ea</u> ch | |
| 4. A. ch <u>ea</u> p | B. thr <u>ea</u> d | C. d <u>ea</u> d | D. h <u>ea</u> lth | |
| 5. A. lov <u>ed</u> | B. waited | C. wasted | D. text <u>ed</u> | |
| 6. A. add <u>ed</u> | B. paint <u>ed</u> | C. stay <u>ed</u> | D. posted | |
| 7. A. h <u>ow</u> | B. b <u>ow</u> | C. w <u>ow</u> | D. fl <u>ow</u> | |
| 8. A. h <u>ou</u> se | B. ar <u>ou</u> nd | C. s <u>ou</u> nd | D. sh <u>ou</u> lder | |
| b) Choose the word | l whose main stress is | different from the ot | hers. | |
| 9. A. quicker | B. alone | C. alive | D. surprised | |
| 10. A. heavily | B. wealthily | C. healthily | D. entirely | |
| 11. A. pretty | B. central | C. simple | D. alone | |
| 12. A. common | B. special | C. alike | D. handsome | |
| Đáp án: | | | | |

| 1. C | 2. A | 3. B | 4. A |
|------|-------|-------|-------|
| 5. A | 6. C | 7. D | 8. D |
| 9. A | 10. D | 11. D | 12. C |
| | | | |

Truy cập https://loigiaihay.com/ để xem lời giải SGK, SBT, VBT từ lớp 1 - lớp 12 tất cả các môn